TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
"V/v ly hôn giữa chị N với anh Đ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thủy.
2. Ông Nguyễn Công Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1979.

ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Trọng Đ, sinh năm 1970.

ĐKHKTT tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi đang ở hiện nay: Xóm 11, thôn 11, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19-01-2022; bản tự khai ngày 21-01-2022 và các đơn đề nghị ngày 10-02-2022, cũng như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Đỗ Trọng Đ đã tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng sau bị mất giấy

chứng nhận kết hôn nên ngày 23-01-2010 chị và anh Đ lại đến UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để đăng ký kết hôn lại và cùng ngày UBND xã Đ đã cấp lại giấy chứng nhận kết hôn cho chị và anh Đ. Sau khi chị và anh Đ kết hôn với nhau thì chị và anh Đ làm ăn, sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và vợ chồng đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng chị tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó dẫn đến trong cuộc sống thường ngày vợ chồng chị thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau và đã rất nhiều lần anh Đ đánh đập hành hạ chị. Nên vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc như trước đó nữa và mâu thuẫn của vợ chồng thì ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Việc anh Đ đánh đập hành hạ chị, chính quyền địa phương và Công an xã Đ đã nhiều lần phải đến nhà can thiệp, giải quyết nhưng anh Đ vẫn không thay đổi được gì. Vì vậy vợ chồng đã phải sống ly thân, chấm quan hệ tình cảm vợ chồng, cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ khoảng cuối năm 2007 cho đến nay và ngay sau khi vợ chồng sống ly thân với nhau được một thời gian ngắn thì anh Đ đã bỏ đi vào trong miền nam để làm ăn, sinh sống suốt từ thời gian đó cho đến nay và chị được biết hiện nay anh Đ đang chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác tên là Nguyễn Thị V, sinh năm 1976, trú tại xóm 11, thôn 11, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và giữa hai người đã có với nhau 01 người con chung. Chị N xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo dài và đã rất trầm trọng, nay chị cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh Đ và đời sống chung của vợ chồng chị cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay. Do đó mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Đỗ Đạt P, sinh ngày 31-12-2000, chị đã trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng suốt từ khi vợ chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay con chung của vợ chồng chị đã trưởng thành và lao động tự lập được rồi. Nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh Đ không có khoản nào. Nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị còn trình bày: Vì lý do công việc làm của chị rất bận và thời gian tới chị phải đi làm ăn ở xa, cộng với việc anh Đ không về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Vì vậy chị đề nghị Tòa không tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vụ án nữa và cho phép chị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và chị đề nghị Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị.

* Tại bản tự khai ngày 08-02-2022 và các đơn đề nghị ngày 08-02-2022, bị đơn anh Đỗ Trọng Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị Vũ Thị N đã tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V,

tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng sau đó vì nhiều lý do khác nhau nên vợ chồng anh đã đánh mất giấy chứng nhận kết hôn nên đến ngày 23-01-2010 vợ chồng anh lại đến UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để đăng ký kết hôn lại và cùng ngày UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định đã cấp lại giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng anh. Sau khi vợ chồng anh kết hôn với nhau thì vợ chồng anh làm ăn, sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và vợ chồng anh đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng anh tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm. Nên trong cuộc sống thường ngày vợ chồng anh thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không có hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Nên vợ chồng anh đã phải sống ly thân, chấm quan hệ tình cảm vợ chồng, cũng như quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng với nhau suốt từ khoảng cuối năm 2007 cho đến nay. Ngay sau khi vợ chồng anh sống ly thân với nhau được một thời gian ngắn thì anh đã bỏ đi vào trong các tỉnh miền nam để làm ăn, sinh sống suốt từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian anh đi làm ăn, sinh sống ở trong miền nam thì vào những dịp gia đình anh có công việc gì hoặc là dịp lễ tết thì anh vẫn đi về quê để thăm gia đình, người thân một thời ngắn rồi anh lại đi vào trong miền nam để làm ăn, sinh sống. Nhưng trong những lần anh về quê thì vợ chồng anh cũng không chung sống cùng với nhau, không quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau và cũng không có bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng gì với nhau. Hiện nay thì anh đang làm ăn, sinh sống và cư trú tại xóm 11, thôn 11, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Nay chị N xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh đã kéo dài và đã rất trầm trọng và đời sống chung của vợ chồng anh cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay, ngoài ra thì vợ chồng anh nay cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với nhau. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy anh đồng ý lý hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Đỗ Đạt P, sinh ngày 31-12-2000, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng anh suốt từ khi vợ chồng anh sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay con chung của vợ chồng anh đã trưởng thành và lao động tự lập được rồi. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị N không có khoản nào. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra thì anh còn trình bày: Anh hoàn toàn đồng ý với việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết vụ án chị N xin ly hôn với anh. Nhưng vì lý do công việc làm của anh rất bận và đường xá đi về Tòa án rất xa xôi, cộng với tình hình dịch

bệnh Covid 19 ở trong miền nam đang diễn biến phức tạp. Nên anh không thể về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án cho phép anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của anh.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 09-02-2022, đại diện UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp về các nội dung có liên quan đến vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Đỗ Trọng Đ kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ và UBND xã Đ đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị N và anh Đ theo quy định của pháp luật. Nhưng do bị mất giấy chứng nhận kết hôn nên ngày 23-01-2010, chị N và anh Đ lại đến UBND xã Đ để đăng ký kết hôn lại và cùng ngày UBND xã Đ đã cấp lại giấy chứng nhận kết hôn cho chị N và anh Đ. Sau khi chị N và anh Đ kết hôn với nhau thì chị N và anh Đ làm ăn, sinh sống tại thôn Đ, xã Đ và chị N, anh Đ đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị N và anh Đ tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau. Việc chị N và anh Đ đánh, cãi, chửi nhau, chính quyền địa phương và Công an xã đã nhiều lần phải đến can thiệp, giải quyết nhưng tình cảm vợ chồng của chị N và anh Đ cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn thì ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn nên vợ chồng chị N, anh Đ đã sống ly thân, chấm dứt quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ khoảng cuối năm 2007 cho đến nay. Sau khi chị N và anh Đ sống ly thân với nhau được một thời gian thì anh Đ đã bỏ đi vào trong các tỉnh miền nam để làm ăn, sinh sống suốt từ thời điểm đó cho đến nay. Trong thời gian anh Đ đi làm ăn, sinh sống ở trong miền nam thì thấy vào những dịp lễ tết hoặc là những dịp gia đình anh Đ có công việc gì thì anh Đ vẫn đi về quê để thăm gia đình, người thân rồi anh Đ lại đi vào trong miền nam. Những lần anh Đ về quê thì cũng không thấy vợ chồng chung sống cùng với nhau mà mỗi người ở một nơi.

Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là anh Đỗ Đạt P, sinh ngày 31-12-2000. Nay anh P đã trưởng thành và lao động tự lập được rồi.

Qua kiểm tra sổ sách và kiểm tra dữ liệu dân cư thì thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án và tại thời điểm hiện nay thì vợ chồng chị N, anh Đ và con chung đều vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ và thấy thể hiện một mình anh Đ đứng tên trong 01 sổ hộ khẩu, còn chị N và anh P đứng tên trong 01 sổ hộ khẩu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Đỗ Trọng Đ.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị N phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, anh Đỗ Trọng Đ là bị đơn trong vụ án đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; mặt khác thì anh Đ cũng đồng ý với việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ anh Đỗ Trọng Đ là bị đơn trong vụ án về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh Đ không về mà chỉ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của anh. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa các đương sự trong vụ án đều vắng mặt nhưng các đương sự đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào những tình tiết, sự kiện mà các đương sự đã thừa nhận về các nội dung có liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Đỗ Trọng Đ kết hôn với nhau vào tháng 3 năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân của chị N và anh Đ đã thỏa mãn điều kiện về kết hôn, theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó hôn nhân của chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Nên được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét sau khi chị N và anh Đ kết hôn với nhau thì chị N và anh Đ đã có một khoảng thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh Đ chủ yếu là do chị N và anh Đ tính cách không

hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống thường ngày vợ chồng chị N, anh Đ thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau nên vợ chồng chung sống với nhau không được hòa thuận và không được hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Việc vợ chồng chị N, anh Đ mâu thuẫn với nhau chính quyền địa phương và Công an xã Đ đã nhiều lần phải can thiệp, giải quyết nhưng tình cảm của vợ chồng chị N, anh Đ cũng không được cải thiện. Nên chị N và anh Đ đã phải sống ly thân, chấm quan hệ tình cảm vợ chồng, cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ thời điểm khoảng cuối năm 2007 cho đến nay. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong quan hệ giữa vợ và chồng của vợ chồng chị N, anh Đ nay đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19 và 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó hôn nhân của vợ chồng chị N, anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng và trên thực tế thì đời sống chung của vợ chồng chị N, anh Đ cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy việc chị N xin ly hôn với anh Đ là hoàn toàn có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử ly hôn giữa chị N và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thực trạng hôn nhân hiện nay của vợ chồng chị N, anh Đ.

Về con chung: Xét chị N và anh Đ có 01 con chung là anh Đỗ Đạt P, sinh ngày 31-12-2000, nay anh P đã trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được rồi; mặt khác thì các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung của vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Xét chị N và anh Đ đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Xét chị N là nguyên đơn nên buộc chị N phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Đỗ Trọng Đ.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Vũ Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001396 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N và anh Đỗ Trọng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân